



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2932/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-BTNMT ngày 27/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở



hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1015/TTr-STNMT ngày 05 tháng 8 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai (*nội dung chi tiết đính kèm*). Trong đó, sửa đổi, bổ sung 67 thủ tục hành chính, gồm:

1. Cấp tỉnh: sửa đổi, bổ sung 42 thủ tục, trong đó:

1.1. Lĩnh vực đất đai (27 thủ tục):

- Các thủ tục 2, 3, 25 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Bỏ nội dung thu phí, lệ phí tại mục phí, lệ phí; sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Các thủ tục 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 28, 29, 30, 31, 34 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi nội dung thu phí, lệ phí tại mục phí, lệ phí; sửa đổi nội dung về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Thủ tục 20 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của

UBND tỉnh: Bỏ điểm 3 về thành phần hồ sơ tại mục c thành phần và số lượng hồ sơ; sửa đổi nội dung thu phí, lệ phí tại mục phí, lệ phí; bỏ điểm 2 về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Thủ tục 26 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi điểm 8 về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Các thủ tục 32, 33 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

1.2. Lĩnh vực môi trường (02 thủ tục):

Thủ tục 1, 5 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi nội dung thu phí, lệ phí tại mục phí, lệ phí; sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

1.3. Lĩnh vực tài nguyên nước (10 thủ tục)

Các thủ tục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi nội dung về phí thẩm định; sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

1.4. Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (03 thủ tục):

- Thủ tục 1 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm 3, 4 về thành phần, số lượng hồ sơ; điểm 3 về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; bổ sung điểm 5 về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính quy định tại danh mục thủ tục hành chính.

- Thủ tục 2, 3 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính quy định tại danh mục thủ tục hành chính.

2. Cấp huyện: sửa đổi, bổ sung 25 thủ tục lĩnh vực đất đai, trong đó:

- Thủ tục 2, 3 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Bỏ nội dung thu phí, lệ phí trong mục phí, lệ phí; bỏ điểm 6, 7 về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính quy định tại danh mục thủ tục hành chính.

- Thủ tục 6 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi tên thủ tục từ “*thủ tục hợp thửa đất*” thành “*thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất*”; sửa đổi điểm 1, 2, bổ sung điểm 5, 6 tại bước 3 về trình tự thực hiện; sửa đổi nội dung thu phí, lệ phí tại mục phí, lệ phí; bổ sung nội dung về yêu

cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; thay thế điểm 6, 7, 8 về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính quy định tại danh mục thủ tục hành chính.

- Thủ tục 7 quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính quy định tại danh mục thủ tục hành chính.

- Các thủ tục 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, quy định tại danh mục thủ tục hành chính ngành tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh: Sửa đổi nội dung thu phí, lệ phí tại mục phí, lệ phí; sửa đổi về căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh; các nội dung khác của Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung các thủ tục này tại trụ sở làm việc, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, tham mưu điều chỉnh quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung làm cơ sở để triển khai cập nhật nội dung đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi trên phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung đã được công bố lên cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, in ấn, photo đóng thành quyển, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Chủ tịch; Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (BTP);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Tổng đài 1022;
- Lưu: VT, HCC, Công TTĐT.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Kèm theo Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT		Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc sửa đổi TTHC	Trang
I		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1.		Lĩnh vực đất đai		1
1	1	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	1
2	2	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	1
3	3	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	2

4	4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	3
5	5	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	4
6	6	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	5
7	7	Thủ tục đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	7
8	8	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	8
9	9	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên;	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	9

		thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	
10	10	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	10
11	11	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	11
12	12	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	13
13	13	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	14
14	14	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	15

			- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	
15	15	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	16
16	16	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	18
17	17	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	19
18	18	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	20

19	19	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	21
20	20	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	22
21	21	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	22
22	22	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	24
23	23	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	25
24	24	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	26

			- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	
25	25	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	28
26	26	Thủ tục gia hạn đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	28
27	27	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	29
2.		Lĩnh vực Môi trường		32
28	1	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	-Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	32
29	2	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	34
3.		Lĩnh vực Tài nguyên nước		35
30	1	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	35
31	2	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	36
32	3	Thủ tục cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	37
33	4	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	38

		3.000m ³ /ngày đêm		
34	5	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	39
35	6	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	40
36	7	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	40
37	8	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	42
38	9	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	43
39	10	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai	44

4.		Lĩnh vực khí tượng thủy văn	46
40	1	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 46
41	2	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 49
42	3	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 49
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1.		Lĩnh vực đất đai	50
43	1	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai 50
44	2	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai 50
45	3	Thủ tục hợp thửa đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai 51
46	4	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai 53

47	5	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	54
48	6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp giấy chứng nhận.	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	55
49	7	Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	57
50	8	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	58
51	9	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	60

		đã có giấy chứng nhận (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)		
52	10	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	61
53	11	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	63
54	12	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	64
55	13	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	66
56	14	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (thủ tục có áp dụng	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-	68

		mô hình “Phi địa giới hành chính”)	HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	
57	15	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	69
58	16	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	71
59	17	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	72
60	18	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	72
61	19	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	74
62	20	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp,	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội	75

		góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)	đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	
63	21	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	77
64	22	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	79
65	23	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”)	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai	80
66	24	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-	82

			UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	
67	25	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai - Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai	83

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

Các nội dung sửa đổi

g) Lệ phí (nếu có): Không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

2. Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

Các nội dung sửa đổi

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

3. Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí địa chính:**

- Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy.

- Trường hợp có tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy.

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.000.000 đồng/ hồ sơ/thửa/GCN

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.450.000 đồng/ hồ sơ/thửa/GCN.

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.650.000 đồng/ hồ sơ/thửa/GCN

Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 40.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy.

- Trường hợp có tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy.

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.650.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 40.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

5. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp có tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy.

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 40.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

6. Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy.

- Trường hợp có tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy.

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 790.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chỉnh lý chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ hai thu 40.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Thủ tục đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp

Các nội dung sửa đổi

h) Phí, lệ phí (nếu có):

* Lệ phí cấp giấy: 50.000 đồng/giấy.

* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Các nội dung sửa đổi

*** Lệ phí cấp giấy: 50.000 đồng/giấy.**

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 790.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

9. Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy: 50.000 đồng/giấy.**

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 790.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chỉnh lý chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận đính chính, sai sót: 430.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;

- Nghị định số 45/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ- CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

- Thông tư số 76/2014/TT- BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ- CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

10. Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy: 50.000 đồng/giấy.**

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận:

Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 790.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chỉnh lý chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

Chứng nhận đính chính, sai sót: 430.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Lưu ý: Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ 2 thu 40.000 đồng/GCN/thửa đất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

11. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy: 50.000 đồng/giấy.**

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 790.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chỉnh lý chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 76/2015/NĐ- CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

12. Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm

Các nội dung sửa đổi:

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh.
- Hợp đồng thuê đất.
- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý.
- Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy: 50.000 đồng/giấy.**

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- + Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận:
- + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- Trường hợp chỉnh lý chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:
- + Chứng nhận biến động về tài sản: 750.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Chứng nhận biến động cả đất và tài sản gắn liền với đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Lưu ý: Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận cấp từ thửa thứ 2 thu 40.000đồng/GCN/thửa đất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;